TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN LONG ĐẤT** **TỈNH BÀ RỊA – VŨNG TÀU**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 67/2025/HNGĐ-ST
Ngày: 09-5-2025
V/v "*Ly hôn*"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN LONG ĐẤT, TỈNH BÀ RỊA – VŨNG TÀU

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Phạm Thị Bình.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Trần Thị Mộng Thu
2. Bà Nguyễn Thị Thuỷ.

- ***Thư ký phiên tòa***: Bà Hoàng Thị Duyên – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Long Đất, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu.

- ***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Long Đất, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu tham gia phiên tòa***: Ông Vũ Văn Long – Kiểm sát viên.

Ngày 09 tháng 5 năm 2025 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Long Đất, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 63/2025/TLST-HNGĐ ngày 18 tháng 02 năm 2025 về việc "*Ly hôn*" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 62/2025/QĐXXST-HNGĐ ngày 14 tháng 4 năm 2025; Quyết định hoãn phiên tòa số 48/2025/QĐST-HNGĐ ngày 28 tháng 4 năm 2025, giữa các đương sự:

- ***Nguyên đơn***: Bà Đặng Thị Kim A, sinh năm 1980; (*có đơn xin xét xử vắng mặt*)

Địa chỉ: Tổ A, ấp P, xã P, huyện L, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu.

- ***Bị đơn:*** Ông Đỗ Xuân T, sinh năm 1973; (*vắng mặt*)

Địa chỉ: A ấp P, xã P, huyện L, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Tại đơn khởi kiện đề ngày 11/02/2025; bản tự khai và trong quá trình tố tụng tại Tòa, nguyên đơn bà Đặng Thị Kim A trình bày:

Về hôn nhân: Bà A và ông T có tìm hiểu thấy tình cảm hai người thương yêu nhau nên tổ chức lễ cưới và chung sống với nhau vào năm 1999. Có đăng ký kết hôn

theo Giấy chứng nhận kết hôn số 116, quyển số 01 do UBND xã H 3, huyện T, tỉnh Bình Dương cấp ngày 22/9/1999. Hôn nhân trên cơ sở tự nguyện, không bị ai ép buộc. Sau khi kết hôn hai vợ chồng chung sống tại địa chỉ tổ A, ấp P, xã P, huyện L, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu.

Vợ chồng chung sống hạnh phúc tuy nhiên đến tháng 3 năm 2017 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân do vợ chồng thường xuyên vãi vã, sống không hoà hợp, bất đồng quan điểm trong mọi việc, không tìm được tiếng nói chung. Hai vợ chồng sống ly thân từ năm 2017 đến nay và không gặp nhau để hàn gắn.

Nay, nhận thấy mâu thuẫn ngày càng trầm trọng, vợ chồng không còn tình cảm yêu thương nhau như trước nên bà A yêu cầu Tòa án giải quyết cho ly hôn với ông T để cả hai có cơ hội xây dựng cuộc sống mới.

Về con chung: Bà A xác nhận có 03 con chung là Đỗ Ngọc T1, sinh ngày 16/9/2000, Đỗ Ngọc T2, sinh ngày 28/11/2003 và Đỗ Ngọc T3, sinh ngày 28/8/2006. Do các con chung đã trưởng thành, có đầy đủ năng lực hành vi dân sự nên bà A không yêu cầu Toà án giải quyết.

- Về tài sản chung và nợ chung: Bà A không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Đối với bị đơn ông Đỗ Xuân T:

Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án đã tiến hành tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng nhưng ông T không đến Tòa án tham gia giải quyết. Tòa án cũng không nhận được văn bản ý kiến hay bản tự khai của ông T.

Tại phiên tòa:

Bà A có đơn xin xét xử vắng mặt. Ông T đã được triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt không có lý do.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Long Đất, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu tham gia phiên tòa phát biểu quan điểm:

Về tố tụng: Quá trình thụ lý, giải quyết và tại phiên tòa, Thẩm phán, Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Nguyên đơn bà A đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ của mình theo Điều 70, Điều 71 Bộ luật Tố tụng dân sự; bị đơn ông T vắng mặt trong quá trình tố tụng là chưa thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ của mình theo Điều 70, 72 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà A.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ đã được thẩm tra tại phiên tòa, trên cơ sở kết quả tranh tụng tại phiên tòa, ý kiến của Kiểm sát viên. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

[1.1] *Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết*: Bà Đặng Thị Kim A yêu cầu ly hôn với ông Đỗ Xuân T nên xác định quan hệ tranh chấp là "Ly hôn"; bị đơn ông T có địa chỉ cư trú tại huyện L nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Long Đất, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a, khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[1.2] *Về sự vắng mặt của đương sự*: Tại phiên tòa, bà A có đơn xin xét xử vắng mặt; ông T đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai mà vẫn vắng mặt không vì sự kiện bất khả kháng hoặc trở ngại khách quan nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt ông T theo quy định tại khoản 2 Điều 227 và khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung:

[2.1] *Về hôn nhân*: Bà A và ông T có tìm hiểu thấy tình cảm hai người thương yêu nhau nên tổ chức lễ cưới và chung sống với nhau vào năm 1999. Có đăng ký kết hôn theo Giấy chứng nhận kết hôn số 116, quyển số 01 do UBND xã H 3, huyện T, tỉnh Bình Dương cấp ngày 22/9/1999. Hôn nhân trên cơ sở tự nguyện, không bị ai ép buộc. Sau khi kết hôn hai vợ chồng chung sống tại địa chỉ tổ A, ấp P, xã P, huyện L, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu.

Vợ chồng chung sống hạnh phúc tuy nhiên đến tháng 3 năm 2017 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân do vợ chồng thường xuyên vãi vã, sống không hoà hợp, bất đồng quan điểm trong mọi việc, không tìm được tiếng nói chung. Hai vợ chồng sống ly thân từ năm 2017 đến nay và không gặp nhau để hàn gắn.

Nay, nhận thấy mâu thuẫn ngày càng trầm trọng, vợ chồng không còn tình cảm yêu thương nhau như trước nên bà A yêu cầu Tòa án giải quyết cho ly hôn với ông T để cả hai có cơ hội xây dựng cuộc sống mới.

Kết quả xác minh cho thấy: Bà A và ông T kết hôn năm 1999 và chung sống với nhau tại tổ A, ấp P, xã P, huyện L, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu. Quá trình chung sống thì phát sinh mâu thuẫn.

Quá trình tố tụng cũng như tại phiên tòa ông T đã được Tòa án tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng, nhưng vẫn vắng mặt không có lý do. Điều đó cho thấy bản thân ông T không có thiện chí hàn gắn tình cảm vợ chồng, bỏ mặc đời sống hôn nhân.

Từ những tài liệu, chứng cứ nguyên đơn cung cấp; thực tế xác minh tại địa phương cho thấy mâu thuẫn giữa bà A và ông T là có thật, theo chiều hướng kéo dài và trầm trọng, ông bà đã thực sự không còn tình cảm với nhau, hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống hôn nhân không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Vì vậy, căn cứ vào vào khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà A đối với ông T.

[2.2] Về con chung: Bà A xác nhận có 03 con chung là Đỗ Ngọc T1, sinh ngày 16/9/2000, Đỗ Ngọc T2, sinh ngày 28/11/2003 và Đỗ Ngọc T3, sinh ngày 28/8/2006. Do các con chung đã trưởng thành, có đầy đủ năng lực hành vi dân sự nên bà A không yêu cầu Toà án giải quyết.

Xét thấy, các con chung của bà Đặng Thị Kim A và ông Đỗ Xuân T đã trưởng thành, có đầy đủ năng lực hành vi dân sự nên Toà án không xem xét, giải quyết.

[2.3] Về chia tài sản: Bà A không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[3] Về án phí: Bà A là nguyên đơn nên phải chịu án phí dân sự sơ thẩm trong vụ án ly hôn theo quy định của pháp luật.

[4] Về quyền kháng cáo: Các đương sự được quyền kháng cáo bản án theo quy định tại các Điều 271, 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[5] Ý kiến của Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Long Đất, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu là phù hợp với quy định pháp luật nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 144, Điều 147, khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228, Điều 271 và Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự 2015;

Các Điều 51, 56, 57 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14, ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy đình về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về hôn nhân: Cho bà Đặng Thị Kim A ly hôn ông Đỗ Xuân T.

2. Về nuôi con chung: Không xem xét, giải quyết.

3. Về chia tài sản chung, nợ chung: Không xem xét, giải quyết.

4. Về án phí: Bà Đặng Thị Kim A phải chịu 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm, nhưng được trừ vào 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí sơ thẩm bà A đã nộp theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0005406, ngày 18 tháng 02 năm 2025 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Long Đất, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu. Bà A đã nộp đủ án phí.

5. Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tống đạt hợp lệ.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu;
- VKSND huyện Long Điền;
- THADS huyện Long Điền;
- UBND Phường 6, TP Cà Mau, tỉnh Cà Mau (GCNKH số 252 ngày 12/10/2010)
- Đương sự;
- Lưu.

T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(Đã ký và đóng dấu)

Phạm Thị Bình